

Luật Hộ tịch được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp thứ Nhất, ngày 23/4/2026. Luật sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027.

Luật Hộ tịch năm 2026 đã tạo cơ sở pháp lý để chuyển đổi toàn diện hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch theo mô hình quản lý hiện đại, số hóa, liên thông và phục vụ. Cụ thể:

1) Tất cả sự kiện, thông tin hộ tịch trong nước được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã, không phụ thuộc nơi cư trú, địa giới hành chính.

Nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện chủ trương chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi nhất – lấy người dân làm trung tâm trong giai đoạn hiện nay, Điều 8 Luật Hộ tịch quy định:

“1. Ủy ban nhân dân cấp xã không phụ thuộc vào nơi cư trú của cá nhân đăng ký các sự kiện, thông tin hộ tịch quy định tại Điều 4 của Luật này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền ký giấy tờ hộ tịch. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền ký giấy tờ hộ tịch theo quy định, trừ các loại giấy tờ hộ tịch sau đây:

a) Giấy khai sinh;

b) Giấy chứng nhận kết hôn;

c) Giấy tờ hộ tịch trong trường hợp đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

3. Cơ quan đại diện đăng ký các sự kiện, thông tin hộ tịch quy định tại Điều 4 của Luật này cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài.

4. Cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý hộ tịch đang lưu giữ sổ hộ tịch giấy có trách nhiệm cập nhật vào sổ hộ tịch giấy các thay đổi thông tin của cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này”.

Việc phân quyền đăng ký hộ tịch triệt để cho Ủy ban nhân dân cấp xã thuận lợi cho cả cơ quan đăng ký hộ tịch, người dân yêu cầu thực hiện đăng ký hộ tịch, tránh tình trạng đăng ký sai thẩm quyền, ảnh hưởng đến công tác quản lý, uy tín về giá trị giấy tờ hộ tịch, quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Theo quy định của Luật, người dân có thể yêu cầu đăng ký các sự kiện, thông tin hộ tịch tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào mà không phụ thuộc nơi cư trú hoặc địa giới hành chính. Quy định này

xuất phát từ yêu cầu thực tiễn hiện nay khi nhu cầu học tập, lao động, cư trú của người dân ngày càng linh hoạt, không còn bó hẹp trong phạm vi địa phương nơi đăng ký thường trú. Trước đây, nhiều trường hợp người dân phải quay trở về địa phương nơi cư trú hoặc nơi đã đăng ký hộ tịch trước đó để thực hiện thủ tục, gây tốn kém thời gian, chi phí và phát sinh không ít khó khăn. Với quy định mới, người dân có thể lựa chọn nơi thuận tiện nhất để thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt là người lao động, sinh viên, người làm việc xa quê hoặc thường xuyên di chuyển.

Để tạo thuận lợi, bảo đảm thời hạn giải quyết TTHC trong lĩnh vực hộ tịch, khoản 2 Điều 8 Luật Hộ tịch quy định: Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền (cho người thực hiện công tác hộ tịch) ký một số giấy tờ hộ tịch, trừ Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, giấy tờ hộ tịch trong trường hợp đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài - do đây là những giấy tờ hộ tịch thiết yếu, quan trọng, người dân thường sử dụng các giấy tờ này tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, cần có kiểm soát chặt chẽ hơn.

Về đăng ký, quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện, Luật giao Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết nhằm bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù của công tác hộ tịch ở nước ngoài, gắn với hoạt động lãnh sự, quan hệ với pháp luật nước sở tại và điều kiện thực tiễn khác nhau giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ.

2) Đơn giản hóa mạnh mẽ thủ tục đăng ký hộ tịch theo hướng tăng cường đăng ký trực tuyến, liên thông dữ liệu, giảm giấy tờ, xác lập giá trị pháp lý của dữ liệu hộ tịch điện tử, xác định nguyên tắc “người dân chỉ cung cấp thông tin một lần”, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu đã có để giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân.

Thứ nhất, thực hiện chủ trương tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hộ tịch năm 2026 quy định 10 thủ tục đăng ký hộ tịch, giao Chính phủ quy định 7 thủ tục đăng ký hộ tịch, giảm 22 thủ tục hành chính so với Luật Hộ tịch năm 2014. Bên cạnh đó, Luật Hộ tịch chỉ quy định thẩm quyền, đối tượng, phạm vi của từng thủ tục đăng ký hộ tịch, bao quát các trường hợp đăng ký hộ tịch (bao gồm các trường hợp thông thường, đặc biệt, đăng ký hộ tịch trong nước và có yếu tố nước ngoài, đăng ký hộ tịch cho đối tượng yếu thế). Các quy định cụ thể về thành phần hồ sơ,

thời hạn, trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch - là những nội dung dễ thay đổi, biến động, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, theo nguyên tắc giấy tờ là thành phần hồ sơ thuộc loại giấy tờ/thông tin đã khai thác được trong các cơ sở dữ liệu thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải chủ động khai thác, người dân không phải nộp, xuất trình hoặc cung cấp lại, rút ngắn và bảo đảm khả thi về thời hạn giải quyết, trả kết quả đăng ký hộ tịch.

Thứ hai, về phương thức thực hiện thủ tục đăng ký hộ tịch, dù thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, nhưng Luật vẫn quy định các phương thức thực hiện truyền thống (nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền, gửi hồ sơ qua hệ thống dịch vụ bưu chính) bởi vì một bộ phận người dân ở địa bàn còn khó khăn về internet, về điều kiện tiếp cận (như hộ nghèo, hộ cận nghèo...) hoặc kỹ năng số còn hạn chế (như đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi...) chỉ có thể thực hiện TTHC theo phương thức truyền thống này. Việc quy định nhiều phương thức là để người dân có nhiều cơ hội lựa chọn và bảo đảm thực hiện quyền của mình tốt nhất. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký hộ tịch trực tuyến theo hướng bảo đảm thực hiện đăng ký hộ tịch trực tuyến đối với tất cả các thủ tục, trực tuyến toàn trình đối với hầu hết các thủ tục, trừ thủ tục đăng ký kết hôn, giám hộ - là việc hộ tịch có điều kiện, cần thể hiện rõ sự tự nguyện, khả năng đáp ứng của các bên. Theo đó, Điều 10 Luật Hộ tịch quy định:

“1. Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có quyền lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý hộ tịch có thẩm quyền.

2. Thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử được trả kết quả là bản giấy và bản điện tử.

Thủ tục đăng ký hộ tịch khác được trả kết quả là bản điện tử; kết quả là bản giấy chỉ trả khi người đăng ký hộ tịch có yêu cầu.

3. Người đăng ký hộ tịch lựa chọn nhận kết quả là bản giấy qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý hộ tịch, trừ trường hợp đăng ký kết hôn thì nhận trực tiếp Giấy chứng nhận kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch”.

Thứ ba, Luật bổ sung quy định về tăng cường liên thông thủ tục đăng ký hộ tịch với các thủ tục liên quan, bảo đảm người dân chỉ cung cấp thông tin một lần; cơ quan

đăng ký hộ tịch có trách nhiệm khai thác dữ liệu điện tử, tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu liên quan, phù hợp với mức độ đáp ứng của cơ sở dữ liệu, không yêu cầu người dân phải nộp, xuất trình hoặc tải lên giấy tờ là thành phần hồ sơ, trừ trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác, nhằm thể chế hóa chủ trương cải cách TTHC, tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước, lấy người dân làm trung tâm phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số (khoản 6, 7 Điều 3).

Quy định này cũng góp phần nâng cao trách nhiệm của cơ quan đăng ký hộ tịch trong việc chủ động khai thác dữ liệu, bảo đảm nguyên tắc “cung cấp thông tin một lần”, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

Thứ tư, để phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, Luật quy định Sổ hộ tịch gồm sổ hộ tịch giấy và sổ hộ tịch điện tử được lưu trữ vĩnh viễn để xác nhận, ghi hoặc cập nhật sự kiện, thông tin hộ tịch. Sổ hộ tịch điện tử được lập đối với tất cả các loại việc hộ tịch và chỉ lập sổ giấy đối với việc đăng ký kết hôn để phù hợp với đặc thù, truyền thống: hai bên nam nữ phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để khẳng định sự tự nguyện và trực tiếp ký vào Sổ đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn trước sự chứng kiến của đại diện cơ quan đăng ký hộ tịch (Luật Hộ tịch năm 2014 yêu cầu mở sổ giấy đối với tất cả các loại việc về hộ tịch). Quy định này cũng phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, tương tự như nhiều nước trong khu vực và trên thế giới (Pháp, CHLB Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á...).

Về giấy tờ hộ tịch, Luật quy định giấy tờ hộ tịch là văn bản pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp khi giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch, gồm Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng tử, văn bản xác nhận hộ tịch, bảo đảm đúng tính chất quan trọng của việc khai sinh, kết hôn, khai tử.

Việc cấp giấy tờ hộ tịch (bản điện tử, bản giấy, bản chính, bản sao) giao Chính phủ quy định cụ thể theo hướng: tất cả các giấy tờ hộ tịch đều cấp bản điện tử; chỉ mặc nhiên cấp bản giấy đối với các giấy tờ hộ tịch thiết yếu, quan trọng (Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng tử); các loại việc khác sẽ cấp bản giấy khi có yêu cầu của người dân.

3) Chuyển từ phương thức “quản lý thụ động” sang “phục vụ chủ động”, với các quy định về đăng ký khai sinh, khai tử chủ động.

Luật bổ sung cơ chế đăng ký khai sinh, khai tử chủ động, đánh dấu bước chuyển từ phương thức “người dân tìm đến cơ quan nhà nước” sang “cơ quan nhà nước chủ động phục vụ người dân”. Theo đó, khi dữ liệu từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được kết nối, chia sẻ tự động với hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử và đã có đầy đủ thông tin cần thiết, cơ quan đăng ký hộ tịch sẽ chủ động thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em được sinh tại cơ sở y tế và đăng ký khai tử đối với trường hợp tử vong tại cơ sở y tế.

Trong trường hợp chưa đủ điều kiện để thực hiện đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử theo cơ chế chủ động do thiếu hoặc chưa cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết, người có trách nhiệm đăng ký vẫn thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử theo các phương thức thông thường và trong thời hạn do pháp luật quy định. Quy định này bảo đảm mọi sự kiện hộ tịch đều được đăng ký đầy đủ, kịp thời, đồng thời tạo sự linh hoạt trong quá trình chuyển đổi sang phương thức quản lý, phục vụ người dân trên môi trường số (khoản 3 Điều 15, khoản 3 Điều 20).

Việc quy định đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử theo hướng “chủ động” của cơ quan đăng ký hộ tịch nhằm thể chế hóa chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, lấy người dân làm trung tâm. Việc đăng ký chủ động của cơ quan nhà nước sẽ góp phần bảo đảm đăng ký kịp thời, đầy đủ các sự kiện hộ tịch, giảm gánh nặng thủ tục cho người dân, nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu, đồng thời vẫn bảo đảm trách nhiệm đăng ký của cá nhân trong trường hợp không thực hiện được đăng ký chủ động theo quy định của pháp luật. Luật giao Chính phủ quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và lộ trình thực hiện đăng ký khai sinh, khai tử chủ động, bảo đảm thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc từ ngày 01/01/2031 (khoản 1 Điều 29).

4) Cơ sở dữ liệu hộ tịch được xác định là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng tập trung, thống nhất, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Điều 24 Luật Hộ tịch quy định:

“1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, do Bộ Tư pháp quản lý.

2. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch phải bảo đảm mở rộng, nâng cấp, phát triển, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác; bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; bảo đảm lưu trữ đầy đủ thông

tin hộ tịch của cá nhân trong các lần thu thập, cập nhật, điều chỉnh trong cơ sở dữ liệu.

3. Cơ sở dữ liệu hộ tịch được bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền mới được tiếp cận và khai thác theo quy định của pháp luật”.

CSDLHT là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng, quản lý tập trung từ Trung ương đến địa phương do Bộ Tư pháp quản lý; được bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, có khả năng mở rộng, nâng cấp; kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác; bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; bảo đảm lưu trữ đầy đủ thông tin của cá nhân trong các lần thu thập, cập nhật, điều chỉnh. Sử dụng thống nhất thuật ngữ “Cơ sở dữ liệu hộ tịch” để phù hợp với Luật Dữ liệu và Luật Giao dịch điện tử.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết việc cập nhật, thu thập, làm sạch dữ liệu hộ tịch lịch sử, dữ liệu hộ tịch đã được số hóa trước đây; phương thức, trình tự, thủ tục khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch để cấp bản sao giấy tờ hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch; xác nhận tình trạng hôn nhân.

Để bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý đối với dữ liệu trong CSDLHT, Luật cũng quy định cụ thể về thông tin trong CSDLHT gồm bản quét hoặc bản chụp trang sổ hộ tịch giấy, giấy tờ hộ tịch tương ứng đối với thông tin hộ tịch được số hóa, chuẩn hóa, thu thập theo quy định và các thông tin hộ tịch của cá nhân được xác lập, cập nhật khi đăng ký hộ tịch; các nguồn xác lập thông tin cho CSDLHT (Điều 25). Luật cũng quy định cụ thể việc khai thác thông tin trong CSDLHT, chỉ chính cá nhân có dữ liệu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được khai thác thông tin trong CSDLHT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chỉ được khai thác thông tin trong CSDLHT nếu có sự đồng ý của cá nhân là chủ thể của thông tin được khai thác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đồng thời, để bảo vệ quyền lợi của những trường hợp đặc biệt như người chưa thành niên, người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, Luật cũng quy định cụ thể việc khai thác thông tin của những trường hợp này và việc khai thác thông tin của những người đã bị tuyên bố mất tích, người đã chết.

5) Luật tiếp tục hoàn thiện các quy định nhằm bảo đảm tốt hơn quyền nhân thân của cá nhân, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

Luật bổ sung quy định về quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của người gốc Việt Nam chưa xác định quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Căn cước: *“Công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người không quốc tịch, người nước ngoài có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác”* (khoản 1 Điều 5).

Luật bổ sung quy định về giá trị pháp lý của giấy tờ hộ tịch, thông tin hộ tịch, dữ liệu hộ tịch điện tử, trong đó xác định thông tin khai sinh là thông tin hộ tịch gốc của cá nhân; mọi thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, cơ sở dữ liệu khác của cá nhân về họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; số định danh cá nhân; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với thông tin khai sinh của người đó. Điều 9 của Luật cũng quy định: dữ liệu hộ tịch điện tử bao gồm bản điện tử giấy tờ hộ tịch, dữ liệu trong CSDLHT, có giá trị như giấy tờ hộ tịch bản giấy khi thực hiện TTHC và các giao dịch khác.

Thực tiễn cho thấy, thông tin cơ bản về nhân thân của cá nhân hiện đang được thu thập, sử dụng và lưu trữ phân tán tại nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau, trong đó còn tồn tại tình trạng không thống nhất, sai lệch so với thông tin khai sinh, gây khó khăn cho người dân trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và khó khăn cho cả cơ quan nhà nước trong quản lý, khai thác dữ liệu. Việc khẳng định thông tin khai sinh là nguồn dữ liệu gốc, có giá trị pháp lý cao nhất, là căn cứ đối chiếu, chuẩn hóa và đồng bộ các thông tin trong các cơ sở dữ liệu khác không chỉ bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, mà còn đáp ứng yêu cầu xây dựng, vận hành hiệu quả các cơ sở dữ liệu, là yếu tố quyết định hiệu quả của việc liên thông, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung.

Luật bổ sung quy định đăng ký giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ liên quan đến tài sản của người được giám hộ theo hướng không phụ thuộc vào nơi cư trú của cá nhân (khoản 2 Điều 17).

Luật bổ sung quy định cho phép thay đổi thông tin về quê quán trong nội dung đăng ký khai sinh của người thành niên theo yêu cầu của người đó hoặc trong nội dung đăng ký khai sinh của con chưa thành niên theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻ nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, khắc phục khó khăn, vướng mắc trong nội dung khai sinh của các đối tượng trẻ em này (Điều 19).

Để bảo đảm thống nhất, đặc biệt là bảo đảm quyền có quốc tịch Việt Nam của trẻ em, điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật quy định: Trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài, được cha, mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam tại thời điểm ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh thì cũng được tiếp nhận, giải quyết.

Theo Tài liệu giới thiệu hướng dẫn nội dung cơ bản Luật Hộ tịch số 03/2026/QH16